

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Thôn;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 727/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 774/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lương Thị H; địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Q; địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2022 và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Lương Thị H trình bày: Chị H xây dựng hạnh phúc với anh Q trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A,

thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 11 năm 2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, anh Q chơi bời, thiếu quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị H đã khuyên bảo nhiều nhưng anh Q không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh Q. Về con chung, anh chị có hai con là Phạm Duy K sinh ngày 23 tháng 02 năm 2016 và Phạm Yến N sinh ngày 26 tháng 9 năm 2017. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai lần thứ nhất, chị H nhận nuôi cháu N và đề nghị giao cháu K cho anh Q nuôi dưỡng. Sau khi biết anh K phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện tập trung, chị H đã thay đổi lời khai, nhận nuôi hai con đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn Q vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Các biên bản xác minh tại gia đình, địa phương nơi chị H và anh Q cư trú đều thể hiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã căng thẳng, con chung như chị H đã khai. Quan điểm của địa phương là giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của anh chị.

Tại phiên tòa, chị H và anh Q đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản đều đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh Q; giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị H có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Q, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Q là bị đơn trong vụ án và có nơi ở tại xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do vậy căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Q.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 11 năm 2016. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, anh Q thiếu quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có sự chia sẻ, thông cảm, yêu thương lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và không tìm được giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn đó. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh Q. Quá trình giải quyết anh Q không có mặt theo thông báo hòa giải của Tòa án, điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh Q. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn của anh chị đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn anh Q.

[4] Về con chung: Chị H và anh Q có hai con chung là Phạm Duy K sinh ngày 23 tháng 02 năm 2016 và Phạm Yên N sinh ngày 26 tháng 9 năm 2017, chị H nhận nuôi hai con đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q hiện đang cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện ma túy Số 02 Hải Phòng. Do vậy cần giao hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn, đồng thời đảm bảo được lợi ích, tâm lý

và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H và anh Q không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Duy K sinh ngày 23 tháng 02 năm 2016 và Phạm Yến N sinh ngày 26 tháng 9 năm 2017 cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phạm Văn Q.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lương Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001225 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Lương Thị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lương Thị H và anh Phạm Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duyên**